

Special Offer

88	Spicy Beef Noodle Soup* (weekend only)	22
	(contains pork)	
	順化米粉 Bún bò Huế	
89	Seafood Laksa* (l)	23
	海鮮喇沙 Laksa đồ biển	
90	Chicken Laksa*	20
	雞肉喇沙 Laksa Thịt Gà	
91	Prawn Laksa* (l)	23
	鮮蝦喇沙 Laksa tôm	
92	Fish Laksa* (l)	23
	魚片喇沙 Laksa cá	
93	Won Ton Noodle Soup (l)	20
	鮮蝦雲吞麵 Mì hoành thánh	
94	Pork Chop with Vermicelli	20
	豬扒檬 Bún sườn chiên	
95	Crispy Chicken with Vermicelli	20
	燒雞檬 Bún gà chiên giòn	
96	Spring Roll with Vermicelli	20
	春卷檬 Bún chả giò	
97	Curry Chicken with Rice/Vermicelli*	21
	咖哩雞檬/飯 Bún cari gà / cơm	
98	Singapore Noodle (l)	22
	星州炒米粉 Bún xào Singapore	
99	Beef Fried Rice with Lettuce	21
	生炒牛肉飯 Cơm chiên thịt bò	
101	Hai Nam Chicken with Rice	20
	海南雞飯 Cơm Gà Hải Nam	
102	Garlic Prawn (l)	31
	蒜蓉蝦 Tôm xào tỏi	
103	Honey Chicken	28
	蜜糖雞 Gà xào mật ong	
104	Honey Prawn (l)	30
	蜜糖蝦 Tôm xào mật ong	
105	Salt & Pepper Squid (l)	30
	椒鹽魷魚 Mực rang muối	
106	Chilli Chicken	27
	辣椒雞 Gà xào ớt	

107	Chicken Fillet Omelette	28
	芙蓉雞肉 Trứng chiên thịt gà	
108	Seafood Omelette (l)	31
	芙蓉海鮮 Trứng chiên đồ biển	
109	Combination Omelette (l)	29
	芙蓉什會 Trứng chiên thập cẩm	
110	Combination Laksa* (l)	21.5
	什會喇沙	
111	Mix Vegetable Laksa*	19
	什菜喇沙	
112	Seafood Fried Rice (l)	23
	海鮮炒飯	

Weekend Special

Deep Fried Chicken Wings	9
Spicy Beef Noodle Soup	22
Thick Crab Noodle Soup* (l)	21
Clear Vermicelli with Shredded Chicken*	19
Wagyu Beef Noodle Soup	24

* No Upsize

Extra

Deep fried noodles	3.5	Change to Clear Noodle	1
Kids size noodle soup	4	Wonton (each)	2
Egg fried rice	4	Veges	5
Fried egg	1.5	Tofu	3
Large egg fried rice	12	Change to fried rice	3
Take away container	0.5	Change to egg sauce	3
Take away sauce	0.5	Large soup	5
Take away soup	2	Large stirfry	5
Prawn (each)	1.5	Plain noodle soup	11
Meat	6	Wagyu	14
		Seafood	8

VĨNH THẮNG



Vincent's
noodle house

永勝牛肉粉

Entree

1. Vietnamese Style
Spring Rolls (contains pork) (4)
- 11
越南炸春卷 | Chả giò
2. Crispy Chicken
- 11
脆皮燒雞 | Gà da giòn
3. Fried Pork Chop (per piece)
- 6
炸豬扒 | Sườn chiên
4. Chicken Wings (Friday-Sunday)
- 9
炸雞中翼 | Cánh gà chiên

Noodle Soup (up size \$5 extra)

5. Rare Beef Noodle Soup
- 18.5
生牛肉粉/麵 | Phở/ Mì tái
6. Brisket Beef Noodle Soup
- 18.5
熟牛肉粉/麵 | Phở/ Mì nạm
7. Rare Beef & Brisket Beef Noodle Soup
- 19.5
生熟牛肉粉/麵 | Phở/ Mì tái nạm
8. Special Beef Noodle Soup
- 23
特別牛肉粉/麵 | Phở/ Mì bò đặc biệt
9. Rare Beef & Tripe Beef Noodle Soup
- 19.5
生牛肉百葉粉/麵 | Phở/ Mì bò lá sách
10. Rare Beef & Beef Ball Noodle Soup
- 19.5
生牛肉丸粉/麵 | Phở/ Mì tái bò viên
11. Beef Stewed in Tomato Sauce Noodle Soup
- 19
茄汁牛腩粉/麵 | Hủ tiếu / Mì bò kho
12. Clear Noodle Soup (l)
- 19
金邊湯粉 | Hủ tiếu dai
13. Crispy Chicken Egg/Rice Noodle Soup
- 19.5
脆皮雞湯粉/麵 | Hủ tiếu / Mì nước gà da giòn
14. Pork Chop Egg/Rice Noodle Soup
- 19.5
豬扒湯粉/麵 | Hủ tiếu / Mì nước sườn chiên
15. Seafood Egg/Rice Noodle Soup (l)
- 22
海鮮湯粉/麵 | Hủ tiếu / Mì nước đồ biển
16. Fresh Prawn Egg/Rice Noodle Soup (l)
- 22
鮮蝦湯粉/麵 | Hủ tiếu / Mì nước đồ biển tôm
17. Fish Fillet Egg/Rice Noodle Soup (l)
- 22
魚片湯粉/麵 | Hủ tiếu / Mì nước cá
18. Rare Beef & Chicken Fillet
- 20
生牛雞肉粉/麵 | Hủ tiếu / Mì nước tái gà
19. Combination Egg/Rice Noodle Soup (l)
- 19
什會湯粉/麵 | Hủ tiếu / Mì nước thập cẩm
20. Chicken Fillet with Egg/Rice Noodle Soup
- 18
雞粉/麵 | Hủ tiếu / Mì nước gà
21. Fujian Noodle Soup
- 19
福建米皇 | Mì phuộc kiến

Trading Hours

TUE - SUN
10am - 3pm 4pm - 9pm
(CLOSED MON)

(02) 9646 1700

Seafood Origin
(A) Australian
(I) Imported
(M) Mixed

VĨNH THẮNG



永勝牛肉粉

Fried Noodle (up size \$5 extra) (crispy egg noodle \$4extra) with Fried Egg or Rice Noodle

22	Fried Beef & Vegetable	21
	牛肉炒粉/麵 Hủ tiếu / Mì xào bò	
23	Seafood & Vegetable (l)	23
	海鮮炒河/麵 Hủ tiếu / Mì xào đồ biển	
24	Fresh Prawn & Vegeteble (l)	23
	鮮蝦炒河/麵 Hủ tiếu / Mì xào tôm	
25	Fish Fillet & Vegetable (l)	23
	魚片炒河/麵 Hủ tiếu / Mì xào cá	
26	Chicken Fillet & Vegetable	21
	雞球炒河/麵 Hủ tiếu / Mì xào gà	
27	Combination (l)	22
	什會炒河 Hủ tiếu / Mì xào thập cẩm	
28	Stir Fried Beef / Chicken	21
	乾炒牛/雞/河/麵 Hủ tiếu / Mì xào bò / gà khô	
29	Stir Fried Seafood (l)	23
	乾炒海鮮河/麵 Hủ tiếu / Mì xào đồ biển khô	

Dried Egg / Rice Noodle

30	Pork Chop	19.5
	豬扒撈麵 Mì sườn khô	
31	Crispy Chicken	19.5
	燒雞撈麵 Mì khô gà giòn	
32	Dried Clear / Egg Noodle (l)	18.5
	乾撈金邊粉/麵 Hủ tiếu dai / Mì khô	

Meal with Steam Rice

33	Crispy Chicken with Red Rice & Lettuce	19
	燒雞紅飯 Cơm đỏ gà da giòn	
34	Diced Beef in Black Pepper Sauce with Red Rice	21.5
	黑椒牛粒紅飯 Cơm đỏ bò lúc lắc	
35	Red Rice with Seasoned Pork Chop	19
	豬扒紅飯 Cơm đỏ & sườn	
36	Chicken Fillet & Vegetable with Rice	20
	雞球燴飯 Cơm gà xào	
37	Beef & Vegetable with Rice	20
	牛肉燴飯 Cơm bò xào	
38	Fresh Prawn & Vegetable with Rice (l)	22
	鮮蝦燴飯 Cơm tôm xào	
39	Fish Fillet & Vegetable with Rice (l)	22
	魚片燴飯 Cơm cá xào	
40	Seafood & Vegetable with Rice (l)	22
	海鮮燴飯 Cơm xào đồ biển	
41	Combination & Vegetable with Rice (l)	21
	什會燴飯 Cơm xào thập cẩm	
42	Sweet & Sour Pork with Rice	21
	咕嚕肉飯 Cơm thịt chua ngọt	
43	Broken Rice with Pork Chop, Egg Pie and Shredded Pork	19
	三色珍珠飯 Cơm tấm bì sườn chả	
44	Broken Rice with Pork Chop, Egg Pie Shredded Pork & Egg	20.5
	特別三色飯 Cơm tấm bì sườn chả trứng	
45	Satay Chicken / Beef with Rice	21.5
	沙爹雞球/牛飯 Cơm gà / bò saté	
46	Lemon Grass Chicken with Rice	21.5
	香茅雞飯 Cơm gà xào sả	
47	Fried Rice with Anchovy & Chicken (l)	21.5
	鹹魚雞粒炒飯 Cơm chiên cá mẳn	
48	Mongolian Lamb / Beef with Rice	21.5
	蒙古牛/羊飯 Cơm thịt dê / bò móng cở	
49	Satay Combination with Rice	22
	沙爹什會飯 Cơm thập cẩm saté	
50	Chicken / Beef in Black Bean Sauce with Rice	21
	豉汁雞/牛飯 Cơm thịt gà/bò tàu xì	
51	Special Fried Rice (contains pork) (l)	20
	炒飯 Cơm chiên	
52	Tomato Paste Fried Rice (per serve)	4
	紅飯 Cơm đỏ	
53	Steamed Rice (per serve)	3.5
	白飯 Cơm trắng	

Main Meal

55	Mongolian Lamb / Beef	28
	蒙古羊/牛 Thịt dê / bò móng cở	
56	Seafood Seasonal Vegetable (l)	30
	海鮮炒菜 Đồ biển xào cải	
57	Combination Seasonal Vegetable (l)	28
	什會炒菜 Thập cẩm xào cải	
58	Stir Fried Mixed Seasonal Vegetable	22
	炒什菜 Cải xào	
59	Choy Sum with Oyster Sauce	17
	蠔油菜心 Cải dầu hào	
60	Chicken Seasonal Vegetable	25
	雞球炒菜 Gà xào cải	
61	Beef Seasonal Vegetable	26
	牛肉炒菜 Bò xào cải	
62	Diced Beef in Black Pepper Sauce	29
	黑椒牛柳粒 Bò lúc lắc	
63	Sweet & Sour Pork	26
	酸甜咕嚕肉 Thịt chua ngọt	
64	Lemon Grass Chicken	27
	辣椒香茅雞 Gà xào sả ớt	
65	Prawn Seasonal Vegetable (l)	30
	蝦球炒菜 Tôm xào cải	
66	Satay Combination (l)	28
	沙爹什會 Thập cẩm saté	
67	Satay Lamb	28
	沙爹羊肉 Thịt dê saté	

Mixed Vegetable

68	Stir Fried Mixed Vegetable with Rice	19
	什菜燴飯 Cơm xào rau cải	
69	Stir Fried Mixed Vegetable with Egg / Rice Noodle	20
	什菜炒粉/麵 Hủ tiếu / Mì xào rau cải	
70	Mixed Vegetable with Egg / Rice Noodle Soup	18
	什菜湯粉/麵 Hủ tiếu nước / Mì rau cải	
71	Mixed Vegetable with Fried Rice	19
	什菜炒飯 Cơm chiên rau cải	
72	Satay Mixed Vegetable with Rice	20
	沙爹什菜飯 Cơm saté xào rau cải	

Beverage

73	Soda & Lemon Juice	6
	蘇打檸檬 Soda chanh	
75	Ice / Hot Coffee with Milk	6
	凍/熱咖啡奶 Café sữa đá / Café sữa nóng	
76	Ice / Hot Coffee	5
	凍/熱咖啡 Café đá / Café nóng	
77	Three Colour Icy Sweet	7.5
	三色冰 Chè đá 3 màu	
78	Red Mung Bean Icy Sweet	7.5
	紅/綠豆冰 Chè đá đậu đỏ	
79	Logan Icy Sweet	7.5
	圓肉冰 Chè đá nhãn nhục	
80	Young Coconut Drink	6.5
	椰青水 Nước dừa	

At DOOLEYS your special dietary needs, allergen requests and concerns with MSG are important to us. Please speak with our friendly staff, so that our chefs can provide you with detailed information on the ingredients we use, so that you can choose appropriately for your needs.